

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2022/DS-PT

Ngày: 09-6-2022

V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất và hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim S, sinh năm 1963;

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1966;

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2. Ông Lê Minh C, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Minh C, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

3. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1967;

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

4. Ông Phạm Thành G, sinh năm 1984;

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị Ngọc T – Bị đơn.

(Bà S, bà T và ông C có mặt; những đương sự còn lại vắng mặt tại phiên tòa, không liên quan đến kháng cáo).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25-12-2020; ngày 01-01-2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim S trình bày:

Khoảng năm 2016 đến năm 2018, bà T, ông C có vay tiền của bà S nhiều lần, đến ngày 24-10-2018 giữa bà S và bà T ông C chốt lại số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng. Hai bên lập tờ giấy bán đất thể hiện nội dung bà Bùi Thị Ngọc T có bán cho bà Phạm Thị Kim S một miếng đất diện tích 3.817m², mục đích sử dụng: lúa, thời hạn sử dụng: 10-2033, thửa đất 396, tờ bản đồ số 8, đất tại xã Long Thuận. Từ ngày 24-10-2018 về sau bà S toàn quyền sử dụng. Bán với giá 300.000.000 đồng. Người bán là bà T và ông C ký tên. Sau đó giữa bà S, bà T có lập hợp đồng ủy quyền thửa đất số 396, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.817m² tọa lạc ấp 3, xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An do bà T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S được toàn quyền quyết định. Ngày 10-12-2018, bà S chuyển nhượng thửa đất số 396 cho ông Phạm Thành G với giá 300.000.000 đồng và sau đó ông G đã được Ủy ban nhân dân huyện Thủ Thừa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền chuyển nhượng ông G trả cho bà S. Ngày 22-4-2019, bà T khởi kiện bà S tại Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa về tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 8, diện tích 3.817m² tọa lạc ấp 3, xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Tòa án đã giải quyết bằng bản án số 74/2020/ST-DS ngày 25-9-2020, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, tuyên chấm dứt hợp đồng ủy quyền giữa bà T với bà S, tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa bà T, do bà S làm đại diện với ông Phạm Thành G đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 8, tọa lạc ấp 3, xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Bản án trên đã có hiệu lực pháp luật nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả lại cho bà S số tiền 300.000.000 đồng đã vay. Nay bà S xác định giữa bà và bà T là việc vay mượn tiền chứ không có việc chuyển nhượng đất. Số tiền 300.000.000 đồng bà S đưa cho bà T nhiều lần, mỗi lần vay hai bên có làm giấy tờ biên nhận. Đến ngày 24-10-2018, do hai bên ký giấy bán đất nên bà đã trả lại hết giấy nhận nợ cho bà T. Nay bà yêu cầu tuyên vô hiệu Giấy bán đất được ký kết giữa bên chuyển nhượng là bà Bùi Thị Ngọc T với

bên nhận chuyển nhượng là bà Phạm Thị Kim S đối với phần đất có diện tích 3.817m² thuộc một phần thửa đất số 396, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 3, xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc T trả cho bà Phạm Thị Kim S số tiền vay là 300.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 24-10-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính là 7.800.000 đồng. Tổng cộng tạm tính số tiền bà Bùi Thị Ngọc T phải trả cho bà Phạm Thị Kim S là 307.800.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 18-9-2018 (âm lịch) nhằm ngày 26-10-2018 (dương lịch) bà T, ông C có vay của bà S số tiền 90.000.000 đồng, thời hạn vay là 30 ngày kể từ 18-9-2018 (al), thỏa thuận lãi suất 05%/tháng, khi vay các bên có lập giấy tay “Hợp đồng vay mượn tiền” đề ngày 18-9-2018 (âm lịch) do bà T ông C ký tên bên vay, từ khi vay đến nay bà T, ông C chưa trả cho bà bất kỳ khoản tiền gốc lãi nào. Nay bà S khởi kiện yêu cầu bà T ông C liên đới trả tiền gốc vay 90.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 01%/tháng tạm tính từ ngày vay 26-10-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 23.400.000 đồng, tổng cộng là 113.400.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị Ngọc T trình bày:

Năm 2017, bà T có vay của bà S nhiều lần tổng cộng là 250.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Cùng ngày đáo hạn, bà Thuỷ đã trả cho bà S 200.000.000 đồng còn nợ 50.000.000 đồng. Từ tháng 05/2017 đến tháng 03/2018 bà T có trả cho bà S mỗi tháng 5.000.000 đồng tiền lãi, sau đó thì ngưng cho đến nay, hiện bà T còn nợ bà S 50.000.000 đồng tiền gốc vay. Đồng thời bà có nợ bà S 104.000.000 đồng tiền đáo hạn ngân hàng. Tổng cộng bà còn thiếu bà S 154.000.000 đồng. Bà T đồng ý trả cho bà S số tiền 154.000.000 đồng.

Đối với Giấy bán đất do bà S cung cấp cho rằng bà T chuyển nhượng phần đất có diện tích 3.817m² thuộc thửa đất số 396, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 3, xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An cho bà S là hoàn toàn không có, chữ viết và chữ ký trong giấy tay bán đất này không phải của bà T và ông C, tuy nhiên bà T không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký trong giấy tay này. Do đó, bà T không đồng ý trả cho bà S số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 24-10-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm tạm tính là 7.800.000 đồng. Bà T cho rằng bà và ông C vay số tiền 90.000.000 đồng của bà S như bà S trình bày, tuy nhiên bà đã trả cho bà S rồi, nay không còn nợ khoản vay này. Khi trả không lập giấy tờ. Nay bà T không đồng ý trả cho bà S tiền gốc vay 90.000.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 1%/tháng tạm tính từ ngày 26-10-2018 đến nay xét xử sơ thẩm là 23.400.000 đồng, tổng cộng là 113.400.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Lê Minh C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về yêu cầu khởi kiện giấy tay mua bán đất. Về khoản vay 90.000.000 đồng thì ông thống nhất có ký tên vay bà S, tuy nhiên sau đó ông và bà T đã trả cho bà S. Hiện nay không còn nợ khoản vay này nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà S.

Ông Phạm Văn T2 trình bày: Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 396, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 3, xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An và cho bà T, ông C mượn tiền giữa bà S, bà T, ông C, ông T2 không biết, tiền bạc là của riêng bà S tự bà S quyết định ông không có yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ông Phạm Thành G trình bày: Ông xác định số tiền 104.000.000 đồng cho bà T mượn để đáo hạn ngân hàng là tiền của bà S. Số tiền 90.000.000 đồng cho bà T ông C vay cũng là tiền của bà S, ông chỉ là người đứng ra giao dịch. Ông chưa nhận khoản lãi nào từ ông C và bà T. Ông thống nhất với lời trình bày của bà S và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 116, 117, 122, 124, 131, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim S đối với bà Bùi Thị Ngọc T về việc “Tranh chấp giấy tay mua bán đất”.

Tuyên bố Giấy bán đất được ký kết giữa bên chuyển nhượng là bà Bùi Thị Ngọc T với bên nhận chuyển nhượng là bà Phạm Thị Kim S đối với phần đất có diện tích 3.817m² thuộc một phần thửa đất số 396, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 3, xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An vô hiệu.

Buộc bà Bùi Thị Ngọc T trả cho bà Phạm Thị Kim S tổng số tiền vay 272.405.000 đồng, trong đó 204.000.000 đồng vốn và 68.405.000 đồng tiền lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim S đối với bà Bùi Thị Ngọc T, ông Lê Minh C về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Bùi Thị Ngọc T, ông Lê Minh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim S tổng số tiền là 126.300.000 đồng trong đó vốn vay 90.000.000 đồng và lãi là 36.300.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim S đối với bà Bùi Thị Ngọc T đối với số tiền vốn vay 96.000.000 đồng.

Về quyền khởi kiện: Bà S có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22-3-2022, bị đơn bà Bùi Thị Ngọc T kháng cáo không đồng ý trả số tiền gốc vay 90.000.000 đồng và tiền lãi 36.300.000 đồng vì đã trả xong.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại “Hợp đồng vay – mượn tiền” ngày 18-9-2018 (AL) thể hiện bà T và ông C có vay bà S số tiền 90.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim S, buộc bà Bùi Thị Ngọc T, ông Lê Minh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim S tổng số tiền là 126.300.000 đồng trong đó vốn vay 90.000.000 đồng và lãi là 36.300.000 đồng là có căn cứ. Bà T và ông C cho rằng đã trả xong nhưng không có chứng cứ chứng minh. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 25-12-2020 và ngày 01-01- 2021, bà Phạm Thị Kim S yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa bên chuyển nhượng là bà Bùi Thị Ngọc T với bên nhận chuyển nhượng là bà Phạm Thị Kim S đối với phần đất có diện tích 3.817m² thuộc một phần thửa đất số 396, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 3, xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An; yêu cầu bà Bùi Thị Ngọc T trả cho bà Phạm Thị Kim S các khoản tiền vay là 300.000.000 đồng, 90.000.000 đồng và tiền lãi.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp mà Tòa án án giải quyết là “Tranh chấp giấy tay mua bán đất và hợp đồng vay tài sản” là chưa chính xác, cần sửa bản án sơ thẩm về quan hệ tranh chấp như sau: “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Bà Bùi Thị Ngọc T kháng cáo không đồng ý trả số tiền gốc vay 90.000.000 đồng và tiền lãi 36.300.000 đồng với lý do bà đã trả xong. Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét theo nội dung kháng cáo của bà T. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng.

[4] Xét thấy, tại “Hợp đồng vay – mượn tiền” ngày 18-9-2018 (AL) nhằm ngày 26-10-2018 (DL) có nội dung: “Tôi tên Lê Minh C... có vay của bà Phạm Thị Kim S số tiền chín mươi triệu... lãi suất 50 nghìn một triệu...cam đoan đã nhận đủ số tiền vay như trên là đúng sự thật...”. Ông C và bà T thừa nhận có ký tên vào “Hợp đồng vay – mượn tiền” và vay tiền theo hợp đồng, sau đó ông bà

đã trả cho bà S. Nhưng ông C và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc đã trả tiền vay cho bà S.

[5] Bà S, bà T, ông C thống nhất hợp đồng vay thời hạn trả 01 tháng, lãi 5%/tháng. Xét thấy đây là hợp đồng vay tiền, có kỳ hạn và có lãi. Đến hạn trả bà T, ông C không trả cho bà S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà S yêu cầu trả lãi 1%/tháng từ khi vay là ngày 26-10-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 08-3-2022 là phù hợp nên được chấp nhận. Lãi được tính như sau: $90.000.000đ \times 1\%/tháng \times 40 \text{ tháng} = 36.300.000 \text{ đồng}$.

[6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim S, buộc bà Bùi Thị Ngọc T, ông Lê Minh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim S tổng số tiền là 126.300.000 đồng, trong đó vốn vay 90.000.000 đồng và lãi là 36.300.000 đồng là có căn cứ, phù hợp các điều 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Kháng cáo của bà T là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với khoản vay 90.000.000 đồng.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà T là có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm không liên quan đến kháng cáo nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Ngọc T;

Sửa bản án sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa **về quan hệ tranh chấp**;

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các điều 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 116, 117, 122, 124, 131, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim S đối với bà Bùi Thị Ngọc T về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Tuyên bố Giấy bán đất được ký kết giữa bên chuyển nhượng là bà Bùi Thị Ngọc T với bên nhận chuyển nhượng là bà Phạm Thị Kim S đối với phần đất có diện tích 3.817m² thuộc một phần thửa đất số 396, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp 3, xã Long Thuận, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An vô hiệu.

Buộc bà Bùi Thị Ngọc T trả cho bà Phạm Thị Kim S tổng số tiền vay 272.405.000 đồng, trong đó 204.000.000 đồng vốn và 68.405.000 đồng tiền lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim S đối với bà Bùi Thị Ngọc T, ông Lê Minh C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Bùi Thị Ngọc T, ông Lê Minh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Kim S tổng số tiền là 126.300.000 đồng, trong đó vốn vay 90.000.000 đồng và lãi là 36.300.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim S đối với bà Bùi Thị Ngọc T đối với số tiền vốn vay 96.000.000 đồng.

Về quyền khởi kiện: Bà S có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về chi phí tố tụng:

Bà Bùi Thị Ngọc T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim S chi phí xem xét thẩm định là 2.100.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Ngọc T phải chịu 13.620.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Ngọc T, ông Lê Minh C liên đới chịu 6.315.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Kim S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim S tiền tạm ứng án phí đã nộp: 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007474 ngày 28-10-2020; 9.450.000 đồng theo biên lai thu số 0007575 ngày 11-01-2021 và 2.835.000 đồng theo biên lai thu số 0007555 ngày 28-12-2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Bùi Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0002417 ngày 25-4-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thủ Thừa để thi hành án phí.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu